

BÁO CÁO TỔNG KẾT KẾT QUẢ
NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

NƯỚC DƯỚI ĐẤT CHXHCN VIỆT NAM

Chỉ số phân loại :

Số đăng ký đề tài :

Chỉ số lưu trữ :

PGS.PTS	Vũ Ngọc Kỳ	Chủ nhiệm đề tài
PGS PTS	Nguyễn Thương Hùng x	Phó CN đề tài
PTS	Võ Công Nghiệp x	Phó CN đề tài
KS	Nguyễn Đông Lâm x	Ủy viên thư ký
PGS PTS	Phan Ngọc Cừ x	Ủy viên
PTS	Nguyễn Kim Ngọc x	nt
KS	Đào Văn Vinh x	nt
PTS	Nguyễn Mạnh Hà x	nt
PTS	Lộc Ngọc Ly x	nt
KS	Tô Đình Huyền ✓	nt
PTS	Trần Hồng Phú x	nt

Ngày tháng năm 1985
CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Ngày tháng năm 1985
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ
ĐỀ TÀI

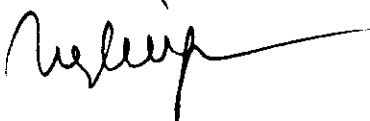


Vũ Ngọc Kỳ

Võ Công Nghiệp

Ngày 10 tháng 1 năm 1986
THỦ TỊCH HỘI ĐỒNG ĐANH GIÁ
CHÍNH THỰC

Ngày tháng năm 1986
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ
ĐỀ TÀI



Võ Công Nghiệp



PHẠM QUỐC TƯỜNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ TƯ LIỆU
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

279

KHOA LƯU TRỮ

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

Hà Nội, Ngày 30 tháng 12 năm 1985

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC ĐỊA CHẤT

- Căn cứ Nghị định số 141-CP ngày 1-9-1967 của Hội đồng Chính phủ qui định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Địa chất.

- Được sự ủy nhiệm của đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban KHKT Nhà nước (Quyết định 282-CP ngày 20-6-1980 của UBKHKTNN).

- Theo đề nghị của đồng chí Vụ trưởng Vụ ĐCIV-ĐCCT và Chủ nhiệm chương trình 44.04.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Thành lập Hội đồng KHKT để xét duyệt các báo cáo tổng kết cáo đề tài nghiên cứu thuộc Chương trình tiên bộ KHKT trọng điểm cấp Nhà nước 44.04 gồm các đồng chí có tên sau đây :

- 1- Chủ tịch PTS Võ Công Nghiệp, Vụ trưởng Vụ ĐCIV-ĐCCT
 - 2- Thứ kí K.S Cao Thế Dũng, thư kí BGN C.trình 44.04
- Cáo Ủy viên :
- 3- KS Tống Bá Lân - Liên đoàn trưởng Liên đoàn 2 ĐCIV
 - 4- PTS Nguyễn Đức Đại Trưởng phòng ĐCIV-ĐCCT Viện ĐCKS
 - 5- PTS Phạm Đức Lương - Phó vụ trưởng Vụ kĩ thuật ĐC
 - 6- KS Bùi Xuân Phàm - Phó Vụ trưởng Vụ ĐCIV - ĐCCT
 - 7- PTS Trần Hồng Phú - Phó Liên đoàn trưởng LD.8
 - 8- KS Đỗ Huy Việt chuyên viên Vụ Kế hoạch thống kê
 - 9- KS Lê Bích Thăng - Chuyên viên Vụ điều tra cơ bản
Ủy ban KHKTNN
 - 10- PGS - PTS Vũ Ngọc Kỳ - Chủ nhiệm Bộ môn ĐCIV
Trường Đại học Mỏ - Địa chất
 - 11- PGS Nguyễn Kim Cương - Trường Đại học Mỏ Địa chất
 - 12- PGS-PTS Phạm Văn Ty - Chủ nhiệm Bộ môn ĐCCT Đại học
Mỏ Địa chất.

- 13- PGS - PTS Nguyễn Thượng Hùng - Giám đốc trung tâm địa lí - tài nguyên Viện KHVN
- 14- PGS-PTS Phạm Ngọc Cừ - chuyên viên Hội đồng xét duyệt trữ lượng khoáng sản.
- 15- PTS Lê Huy Hoàng nt
- 16- PTS Tô Văn Nhự - Giám đốc Trung tâm nghiên cứu kĩ thuật khảo sát Bộ Xây dựng
- 17- PTS Lộc Ngọc Ly - Trưởng phòng nước ngầm Viện qui hoạch và quản lí nước - Bộ Thủy lợi.

Điều 2 : Các đồng chí Chủ nhiệm chương trình 44.04, Vụ trưởng Vụ ĐQTĐ-ĐCQT và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

K/T TONG CUC TRUONG TONG CUC DIA CHAT
PHO TONG CUC TRUONG

Trần Đy

Hà Nội, Ngày 10 tháng 1 năm 1986

B I Ê N B Á N

Của Hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước xét
duyet đề tài "Nước dưới đất Cộng hòa
Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam"

Mã số : 44.04.01.01

Chủ nhiệm : PGS, PTS Vũ Ngọc Kỳ

Cơ quan chủ trì : Vụ ĐCTV-ĐCCT

Tổng Cục Địa chất

Thi hành quyết định số 54/ĐC-QĐ ngày 30/12-1985 của
Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và quyết định số 282-QĐ
ngày 10/6-1980 của URKHKTNN về việc lập hội đồng nghiệm thu
chương trình 44.04. URKHKT Nhà nước đã phối hợp với Tổng
cục Địa chất tổ chức Hội nghị nghiệm thu vào ngày 10 tháng 1
năm 1986.

Hội đồng đã làm việc dưới sự điều khiển của PTS
Võ Công Nghiệp, Vụ trưởng Vụ ĐCTV-ĐCCT, Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng đã nghe PGS, PTS Vũ Ngọc Kỳ, Chủ nhiệm đề tài
trình bày báo cáo toàn bộ kết quả nghiên cứu của đề tài. Tiếp
đó Hội đồng đã nghe đọc các bản nhận xét của :

- 1- PGS, PTS Võ Năng Lạc
- 2- PGS Nguyễn Kim Cương
- 3- PTS Nguyễn Hữu Cẩn

Hội nghị đã đặt nhiều câu hỏi, PGS, PTS Vũ Ngọc Kỳ và
tập thể các tác giả của đề tài đã lần lượt trả lời các câu
hỏi của Hội nghị.

Sau khi thảo luận sôi nổi các vấn đề chủ yếu, chủ tịch
Hội đồng đã tổng kết và đánh giá như sau :

- 1- Đề tài đã tập hợp được sự tham gia của đông đảo các
nhà khoa học, tổng hợp được nhiều nguồn tài liệu và sử dụng
được các thành tựu mới của khoa học kỹ thuật, nên đã tận dụng

thành công một báo cáo đầy đủ về tài nguyên nước dưới đất của Cộng Hoà Miền Việt Nam và có chất lượng tốt.

2- Báo cáo có ý nghĩa lớn cho quy hoạch, nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường và có thể làm tài liệu giáo khoa về tài nguyên nước.

3- Những thiếu sót chủ yếu cần được xem xét sửa chữa là :

- Chưa đề cập đầy đủ ảnh hưởng của các yếu tố nhân tạo đến DCFV ;

- Một số số liệu chưa đủ hoặc chưa chính xác cần được xem lại.

4- Đề nghị Hội đồng thông qua, cho biên tập lại và đưa ấn loát để sử dụng rộng rãi.

17 Ủy viên Hội đồng đã cho điểm, điểm trung bình là : 9,24.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Võ Công Nghiệp

THỦ KÝ HỘI ĐỒNG



Cao Thế Dũng

NHẬT KÝ VỀ CÔNG TRÌNH

"Nước dưới đất Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa
Việt Nam" (Số tài cấp Nhà nước 44 - 04 -
01 - 01)

Đề tài nghiên cứu 44-04-01-01 "Nước dưới đất CHXHCN Việt Nam" do phó giáo sư phó tiến sĩ Vũ Ngọc Kỳ chủ biên cùng tập thể đông đảo các nhà địa chất thủy văn và địa chất ở các cơ sở khác nhau phối hợp thực hiện (thực sự là từ tháng 5 năm 1984) đến nay về cơ bản đã hoàn thành xong khối lượng cần thiết. Những nội dung chuyên sâu về địa chất thủy văn sẽ do các chuyên gia trong lĩnh vực này đóng góp ý kiến chi tiết. Về phần các vấn đề địa chất chung nêu trong công trình, với một thời gian rất eo hẹp được tìm hiểu công trình này chúng tôi muốn trao đổi với các tác giả một đôi điều để các tác giả tham khảo và bổ sung những điều cần thiết trước khi đưa ra in ấn.

Trước hết, có thể nhận thấy là các tác giả đã biết chọn lọc một cách cẩn thận những chi tiết, tài liệu về đo vẽ bản đồ địa chất ở các tỷ lệ khái quát cho toàn lãnh thổ đã được chỉnh lý trong những năm gần đây để lấy đó làm cơ sở phân tích, xây dựng bản đồ địa chất thủy văn quốc gia. Số với thời gian xuất bản các công trình về bản đồ địa chất 1/1000.000, 1:500.000 cho miền Bắc và cho toàn lãnh thổ Việt Nam thì công trình này được hình thành có phần chậm, song cũng do đó mà chúng ta có đủ giờ tránh được những sai sót, những vấn đề còn tranh cãi chưa thống nhất trong quá trình lập bản đồ địa chất ở nước ta và cũng một phần nào đó nếu được những thành quả của nghiên cứu địa chất trên các tỷ lệ trung bình và lớn. Vì vậy trong công trình này, các bản đồ địa chất chuyên hóa được lập ra cho phép người đọc đặt nhiều tin tưởng hơn.

Điều thứ hai là các bản đồ địa chất chuyên hóa được chủ biên đề nghị thành lập trong 1 thời gian khá gấp song nhờ các tác giả của chúng là những nhà địa chất thực địa và tổng hợp có kinh nghiệm, đã trải qua nhiều năm làm công tác đo vẽ bản đồ địa chất ở Liên đoàn bản đồ địa chất và ở Viện nghiên

cấu địa chất và khoáng sản của Tổng cục Địa chất nên các bản đồ đó đã được hoàn thành kịp thời, có chất lượng đáng kể. Vào thời điểm của những năm đầu thập kỷ 80, các bản đồ chuyên hoá được lập ra có thể xem là phần lớn được hoàn thành dựa trên kinh nghiệm về mặt đồ vẽ và nghiên cứu tổng hợp của lúc bấy giờ.

Điểm thứ ba của biểu dương là tập thể các tác giả của công trình đã kết hợp lối cắt gọt các số liệu về địa chất (chủ yếu là về mặt địa tầng và cấu tạo địa chất) với các điều kiện địa chất thủy văn để phân chia ra 6 miền ĐQTV chính cùng các phụ miền cho toàn lãnh thổ. Việc phân chia đó đã dựa trên cơ sở phân chia về kiến tạo của lãnh thổ và theo tôi nghĩ phân chia đó là hợp lý, có luận cứ khoa học. Từ đó, các tác giả đã có những cơ sở luận giải các vấn đề lớn của mục tiêu và nhiệm vụ của chương trình nghiên cứu đã ra.

Nhìn chung, các bản đồ được lập khá công phu, các mô tả phân tích về địa chất gọn gẽ, đáp ứng được yêu cầu của nghiên cứu địa chất thủy văn ở mức độ khái quát.

Bên cạnh những ưu điểm cơ bản trên, người đọc xin nêu lên một số điểm cần được quan tâm như sau :

- Trong chương bản về những nhân tố tự nhiên và nhân tạo ảnh hưởng đến điều kiện ĐQTV của lãnh thổ, các tác giả đã nêu ra quá ít về các yếu tố nhân tạo mặc dù đã đề cập đến trồng tiêu đề của chương. Các ảnh hưởng của rừng và sự phá rừng ghé gôm trong mấy chục năm lại đây, các công trình đê đập, các dạng rừng ở ven biển v.v... đều là những nhân tố có ảnh hưởng nhất định đối với việc giữ nước, cấp nước hoặc làm mất nước cho những khu vực nhất định của lãnh thổ.

- Trong các nội dung bản về điều kiện ĐQTV của công trình, riêng về mặt cơ sở địa chất vẫn còn có những chỗ chưa được thoả đáng. Trong khi các thành tạo trầm tích địa chất được phân chia khá chi tiết đạt yêu cầu đối với tỷ lệ 1/500.000 hoặc lớn hơn thì các phân chia của macma xâm nhập hầu còn quá khái quát. Các thành tạo này chỉ được chia thành 3 loại thuộc 2 vĩ kỷ : tiền Cambri và Phanerozoic và các macma fanerozoic

cũng chỉ phân làm hai loại sẫm màu (mafio, siêu mafio) và nhạt màu (có thành phần còn lại). Trong những năm 80 các nghiên cứu về macma đã đạt được những kết quả khá chi tiết do đó có thể phản ánh vào bản đồ với mức độ kỹ hơn. Về mô tả các thành phần thạch học, thiết tương cũng nên lưu ý thêm đến các thành phần, các cấu tạo hạt và các kiến trúc khe nứt nhất là ở các đá trầm tích.

- Các đơn vị kiến tạo dùng trong mô tả có chỗ cần nêu xem xét lại. Ví dụ miền Đông dương (trang 56) bao gồm khu vực Đà Nẵng - Huế; Trường Sơn Bắc, Sa Kông, Kontum theo tôi là không thích hợp. Cho đến nay không thấy ai đặt cho một đơn vị kiến tạo như thế. Các khu vực của miền III thực ra không bao gồm trong đơn vị của miền (Sông Cả - Trường Sơn Bắc).

- Trong chú giải của bản đồ địa chất thạch học chuyên hoá cũng nên xem xét lại các ký hiệu thành phần các đá đặt trước ký hiệu tuổi địa tầng. Hình như các tác giả tờ bản đồ muốn qua đó phản ánh chế độ kiến tạo của các đơn vị địa chất thạch học (ví dụ có thể hiểu T, T là các thành tạo lục nguyên là chính, M là thành tạo miase v.v...). Tuy nhiên cách làm trên theo tôi, cũng không sáng tỏ gì hơn trong cách phản ánh về chế độ kiến tạo; mặt khác một số ký hiệu chữ này không có chú thích nên gây cho người đọc sự rối rắm khó hiểu.

- Các hệ thống đứt gãy theo tôi hãy còn quá giản lược. Ví dụ hệ thống đứt gãy ở đồng bằng sông Hồng nếu dựa vào các tài liệu của Tổng cục dầu khí và các bản đồ địa chất trầm tích độ tỷ thì sẽ thấy phức tạp hơn và còn có những biểu hiện của các đứt gãy ngang. Những đứt gãy này cho ta nhiều suy nghĩ trong phần tích điều kiện ĐCTV và xuất lộ của nước khoáng; v.v...

- Trên bản đồ nêu có những biểu hiện về tính phân phối của các đá nhất là đối với các đá cổ (ví dụ ở Vòm Sông Chày, ở khối nâng Kontum). Nếu không trở ngại, các ký hiệu đường thể hiện thành phần nên đồng thời vẽ lượn theo phương của cấu tạo. Như thế các cấu tạo uốn nếp, các thế nằm lớp, các thế nghiêng sẽ phản ánh rõ hơn trên bản vẽ, giúp nhận thức liên hệ với các cấu trúc nhỏ và các vấn đề ĐCTV.

Sau cùng người nhận xét muốn kiến nghị với tập thể tác giả là hiện nay đã có một số tài liệu tổng hợp khá tốt. Nếu có thể nên bổ sung vào báo cáo các tư liệu sau đây :

- + Tài liệu cấu trúc lineament và cấu trúc vòng toàn VN
- + Một số kết quả địa chất tổng hợp từ các tờ bản đồ địa chất tỷ lệ 1/200.000 vừa hoàn thành.
- + Các bản đồ kiến tạo thành lập trên cơ sở phân tích thành hệ cấu trúc.

Dù là việc nghiên cứu công trình chưa được đầy đủ chỉ mới ở mảng cơ sở địa chất, thời gian đọc lại rất cấp tập, chúng tôi vẫn thấy đây là một công trình tổng hợp về ĐCTV với nội dung phong phú, có giá trị khoa học và thực tiễn với sự cộng tác chặt chẽ của nhiều chuyên gia trong nhiều lĩnh vực về ĐC và ĐCTV. Công trình đánh dấu cho sự phát triển mới không những về chất lượng của nội dung mà còn cả về sự phối hợp liên kết có hiệu quả của nhiều nhà khoa học, kỹ thuật, của nhiều cơ quan, chứng tỏ chúng ta đã vượt ra ngoài khuôn khổ của biểu niên sử về ĐCTV ở nước ta. Đề nghị các tác giả có một số bổ sung hoàn hảo, chỉnh chỉnh thêm về hình thức và cho phép công bố để sử dụng.

Ngày 5 tháng 1 năm 1986

PGS.PTS Võ Năng Lạc

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT BÁO CÁO KHOA HỌC

"Nước dưới đất của lãnh thổ CHXHCN Việt Nam" (Tỷ lệ 1/1000.000) do Giáo sư Vũ Ngọc Kỳ chủ biên.

PTS ĐGTV Nguyễn Hữu Cẩn
Liên hiệp các HKSNĐ Bộ Xây Dựng

Mỗi tác giả viết một phần nào đó của báo cáo đều có một cách đặt vấn đề riêng về tầm quan trọng của nước dưới đất để lấy đó làm mục tiêu cho vấn đề mà mình đang giải quyết. Mặc dầu vậy tư tưởng chủ đạo của mọi cách đặt vấn đề vẫn là sự thống nhất cho rằng nước dưới đất là nguồn tài nguyên thiên nhiên và cũng là nguồn nguyên liệu ban đầu vô cùng quan trọng trong sự phát triển nhiều mặt của nền kinh tế quốc dân. Đối với những nước đang trong quá trình phát triển, trong đó có nước ta, vấn đề hiển biết, làm chủ và sử dụng hợp lý nó lại càng có ý nghĩa cấp bách.

Chính vì vậy qua mỗi thời kỳ giải phóng từ nửa nước rồi đến cả nước, công tác điều tra, nghiên cứu nước dưới đất trên từng miền của lãnh thổ nước ta lại được phát triển lên một bước mới. Đó cũng là quá trình làm rõ dần giá trị kinh tế của nước dưới đất trên lãnh thổ. Có điều là các thời kỳ kế hoạch trước 1981 chúng ta chưa có kế hoạch nghiên cứu đánh giá tổng hợp giá trị của nguồn tài nguyên này, các công trình điều tra, nghiên cứu để diễn ra theo những kế hoạch sử dụng riêng, cho nên tài liệu tuy nhiều mà vẫn mang tính cục bộ, phân tán, không đáp ứng được yêu cầu của việc phân tích lựa chọn nguồn nước phục vụ cho nhu cầu phát triển đồng bộ trên từng miền của lãnh thổ cũng như trên toàn lãnh thổ.

Theo kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, công tác điều tra tổng hợp để tận dụng khai thác tiềm năng của các vùng trên lãnh thổ mới được xem là nhiệm vụ trọng tâm. Và nhờ đó nhiều công trình nghiên cứu về địa chất và mỏ trên phạm vi toàn lãnh thổ đã đạt được thành tựu lớn. Đề tài nghiên cứu "Nước dưới đất của lãnh thổ CHXHCN Việt Nam" đến nay hoàn thành tuy có chậm hơn chút ít so với các công trình nghiên cứu về địa chất nhưng về mặt khoa học và giá trị sử dụng của